

NHÌN LẠI TRIẾT THUYẾT NHO-HỌC

Tác giả: Ngô Thị Quý Linh

Trong khi tìm hiểu về tam giáo, tôi đã từng đặt câu hỏi về học thuyết Nho-học: Nho-học có phải là một môn học hữu ích cho người đời không? Tại sao Nho-học lại được dùng trong nền giáo dục lịch triều trong một thời gian dài khoảng 700 năm? Nếu đời trước cho rằng nền giáo dục nho-học có một mục đích cao đẹp, tại sao ngày nay không còn ai ngó ngàng đến nữa, thậm chí đã từng có dư luận cho rằng nền giáo dục theo Nho-học là nguyên nhân khiến cho Việt-Nam yếu kém, thua Tây-phương?

Tôi rất mong độc giả vui lòng cho tôi mạn phép trình bày sự tìm hiểu của tôi về quan điểm của giới trí thức Việt-Nam đối với ảnh hưởng của Khổng-tử và Nho-học trong xã hội Việt-Nam. Xin đừng hiểu lầm bài viết này có ý bênh vực cho bất cứ công việc gì đương thời hay ý kiến nào của ai.

*

Chúng ta ngày nay được hấp thụ các quan niệm triết lý Tây-phương, khác với các nhà nho thế kỷ thứ 19 trở về trước ở Việt-Nam. Đối với các vị tiên bối, *Tứ-thư Ngũ-kinh* là các sách gối đầu giường, luân lý nho-học là kim chỉ nam trong đời sống. Trong bao nhiêu thế kỷ, mấy ai dám nghĩ đến việc phê bình Nho-học? Người ta chỉ một mực tuân theo mà thôi.

Bất ngờ, một số biến cố ở Á-châu đã làm xoay chiều nền giáo dục ở Việt-Nam. Sau ba thập niên duy-tân thời Minh-trị, nước Nhật chiến thắng Trung-Hoa (1894) và Nga (1904-1905). Người Nhật cổ võ phong trào “Á châu của người châu Á”. Khoa cử nho-học bị bãi bỏ ở Trung-Hoa (1905).

Năm 1911 xảy ra cuộc Cách-mạng Tân-Hợi ở Trung-Hoa, và năm 1917 cuộc Cách-mạng Tháng Mười ở Nga. Trông gương Nhật-Bản, Nga và Trung-Hoa, sĩ phu Việt-Nam nô nức học hỏi theo Tây phương. Phan Châu Trinh chủ trương “Bất phệ Hán tự, bất túc dĩ cứu Nam quốc” (không bỏ chữ Hán, không cứu được nước Nam)

Phong trào cải cách ở Trung-Hoa do hai học giả Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu đứng đầu đã có ảnh hưởng lớn đến sự tiến hóa tư tưởng khắp vùng Viễn-đông. Những tác phẩm như *Cuộc du hành trong 11 xứ Âu châu* của Khang Hữu Vi và *Âm-băng tập* của Lương Khải Siêu trở thành sách gối đầu giường của giới nho sĩ cựu học Việt-Nam. Các nhà nho Việt-Nam ham mê đọc những loại sách như *Contrat social* (của Jean-Jacques Rousseau), *L'Esprit des Lois* (của Montesquieu), v.v... và bỏ các sách nho-học sang một bên. Trong những lúc chuyện trò, ai nấy thường nhắc đến các “thầy Khang và Lương”. “Thầy Lu” (Lu-thoa dịch từ tên Rousseau), “thầy Mạnh” (Mạnh-đức-tu-cưu dịch từ tên Montesquieu) có địa vị gần như ngang với Khổng tử và Mạnh tử.

Thế hệ trẻ Việt-Nam đầu thế kỷ thứ 20 không muốn giữ lại Nho-học vì, theo họ, Nho-học đã là nguyên nhân gây ra sự thua kém của Việt-Nam. Các thanh niên Việt-Nam bất mãn vì họ cho là học chế đương thời không thích hợp với sự thay đổi thời cuộc nên trốn ra nước ngoài để học hỏi.

“Trước chiến tranh, những người cách mạng An-nam tạm trú ở Hong Kong, ở Tàu, Nhật và học ở các trường Đại-học Nhật-bản hay Anh... Khi người ta hỏi họ tại sao không theo học ở Đông-dương, họ trả lời: thực dân không làm gì để dạy dỗ vì chỉ mở một thứ học chính thấp ẹt bẹt. Cho nên tôi đã mở những lycée, trường cao-đẳng cho người An-nam để không ai được quyền nhắc lại câu trên và trốn khỏi Đông-dương để đi học những bài dạy làm loạn ở chỗ khác.” (Albert Sarraut, *Grandeur et Servitude coloniales*, Paris 1931)

Toàn-quyền Albert Sarraut phải cho thay đổi học qui và bỏ các chương trình Việt-Pháp-Hán và Việt-Pháp có từ thời toàn-quyền Beau (1908). Triều đình Huế bãi bỏ khoa cử nho-học. Các kỳ thi bằng chữ Hán bị bỏ: khoa thi hương năm 1915 và khoa thi hội năm 1918 là những khoa thi nho-học cuối cùng.

Từ thập niên 1920 – 1930, Nho-học không còn giữ địa vị độc tôn trong phạm vi tư tưởng nữa cho nên những quan niệm thuộc hệ tư tưởng nho-học bị đem ra sát hạch hoặc công kích, một điều mà trước kia không hề có.

Một nhà nho thích lý luận như **Phan Khôi** (1887 – 1959) đã phê bình Khổng-tử là một “vô thần luận giả” không tin có quỷ thần. Ông chê đạo *Trung-dụng* của Khổng-tử khó mà đem ra thi hành, đồng thời chê Khổng-giáo trái với khoa học và có nhiều điều trở ngại cho khoa học. Ông cũng chê rằng quan niệm *trung-quân* không hợp thời và đã từng đem thuyết “*tam cang ngũ luân*” của Nho-giáo ra nghị luận.

Bùi Công Trùng (1905 – 1977) và **Ngô Văn Triện** (1901 – 1947) tranh luận về vấn đề “Khổng-tử có vũ-trụ-quan duy-vật hay duy-tâm?” (*Tao Đàn* số 8, 16 Juin 1939). Bùi Công Trùng cho vũ-trụ-quan của Khổng-tử là duy-tâm trong khi Ngô Văn Triện cãi lại là duy-vật. Phan Khôi không chấp nhận Khổng-tử có vũ-trụ-quan nào cả, nếu có ắt “mờ tối và yếu đuối”, và kết luận rằng “Khổng-tử chẳng duy-vật mà cũng chẳng duy-tâm.” (*Tao Đàn* số 12, 16 Septembre 1939)

Học giả **Trần Trọng Kim** (1883 – 1953), trong *Lời Phát Doan* của bộ sách *Nho-giáo* (1930) do ông biên soạn, cũng đã nhận thấy là “Nho-giáo tự-hò cái nhà cũ đã hằm-nát cả, động đến là đổ bẹp xuống.” Tuy nhiên, học giả họ Trần hy vọng rằng tài liệu của ông sưu tập về Nho-giáo có thể được các nhà nghiên cứu sử dụng để kê cứu và phê bình Nho-giáo. Cho nên ông đã hoàn tất bộ sách *Nho-giáo* (hai tập) với ý định “vẽ cho đúng cái chân-tượng của Nho-giáo trải qua các thời đại.”

Sĩ-phu Duy-Tân **Phan Bội Châu** (1867 – 1940) cũng để lại di cảo với nhan đề *Khổng-học-đăng*. Ông đã khởi thảo bộ sách này từ năm 1929 và hoàn tất vào năm 1936. Nhà xuất bản sách *Khổng-học-đăng* đã giới thiệu về sách này trong đó có đoạn nói rằng:

“Cụ Phan đã diễn giải tất cả những phần cốt yếu trong bộ *Tứ Thư* (gồm Luận Ngữ, Đại Học, Trung Dung, Mạnh Tử). Cụ trình bày mạch lạc kèm theo những thí dụ xác

thực để người đọc có thể thấu đáo ý nghĩa trong lời nói của thánh hiền. Cụ lại đính chánh những chỗ chú giải sai lầm của các tiên-nho, sai lầm vì kiến thức bất cập hay vì cố ý xuyên-tạc (nhất là của giới Tống nho). Cụ biện luận rành rẽ, lại nêu ra nhiều chứng tích Đông, Tây, kim, cổ. Những câu trong sách cổ rất súc tích, chỉ thay đổi một dấu chấm câu, người ta có thể hiểu bằng nghĩa khác. Ngoài ra có những chữ có nhiều nghĩa, muốn hiểu cách nào tùy người đọc. Đây là những điểm để cho các nhà phản-nho lợi dụng xuyên-tạc, và cũng là cơ để kẻ nông cạn hiểu lầm.

Đã đành rằng không có một học-thuyết nào toàn bích, nhưng ít nhất những nhà chú giải phải vô tư, để nhận thấy những ưu điểm trong đó.”

Trong phần mở đầu sách *Khổng-học-đăng* (Phàm lệ), sĩ-phu họ Phan đã dặn trước rằng:

“Hễ ai đọc bản sách này, trước phải lập định một cái chí-khí tự-nhiên rằng: “Ta là Khổng-tử, ta là Mạnh-tử, ta là Platon, ta là Emmanuel Kant, chẳng qua đời tuy có xưa nay, đất tuy có đông tây, mà tâm-lý in như nhau, thánh-hiền tức là ta, ta tức là thánh-hiền; ta chỉ là người hậu-tiến của cổ-nhân mà thôi.”

Đọc câu đó, chúng ta thấy được cái tính không phục tùng, không nô lệ cổ nhân – mà là người hậu tiến của cổ nhân – đã khiến ông có thể đạt đạo thánh hiền chứ không bị trói buộc trong cái hình thức chật hẹp của các nhà nho hương-nguyên. Quan niệm *phục tùng*, được xem như là kết quả của luân-lý nho-học, đã được ông giải thích lại cho xác đáng như sau.

“Tôi xin tóm tắt lại, xưa ông thánh nói rằng: *phụ phụ, tử tử, phu phu, phụ phụ* nghĩa là cha phải hiệp đạo làm cha, con phải hiệp đạo làm con, chồng phải hiệp đạo làm chồng, vợ phải hiệp đạo làm vợ. Mà cũng có nghĩa là: cha phải có nghĩa vụ làm cha, con phải có nghĩa vụ làm con, chồng phải có nghĩa vụ làm chồng, vợ phải có nghĩa vụ làm vợ. Nói tóm lại: cha có nên cha thì con mới nên con, chồng có nên chồng thì vợ mới nên vợ. Mấy câu ấy thiết là cái gương cho sự phục tùng đó vậy. Vậy nên chúng ta phải biết: phục tùng về đạo đức thì phục tùng là thánh nhân, phục tùng về oai quyền thì phục tùng là trâu ngựa. Điều gì phải lẽ mà không phục tùng vẫn là người dờ, điều gì trái lẽ mà cứ phục tùng thì cũng không phải là người hay, ấy là luân lý Đông phương người ta cũng không có thể tai mà thay óc được vậy”.

Thượng-thư **Thân Trọng Huề** (1869 – 1925) là một người hấp thụ cả hai nền văn hóa Đông và Tây. Ông người phủ Thừa-Thiên, được đi Pháp học (cùng với Hoàng Trọng Phu và họa sĩ Lê Văn Miến). Khi về nước, được bổ biên-tu Viện Cơ-mật, từng làm quan ở Trung và Bắc, làm đốc-học Trường Hậu-bổ (1905), bồi-thẩm Tòa Thượng-thẩm Hà-Nội (1913), được triệu vào kinh (Huế) làm thượng-thư Bộ Học và Bộ Binh (1921).

[Ông Thân Trọng Huề là thân phụ của bà Trần Văn Chương, khuê danh Thân Thị Nam Trân. Bà Nam Trân là thân mẫu bà Ngô Đình Nhu, khuê danh Trần Lệ Xuân.]

Mặc dù theo Tây-học nhưng ông cho rằng đạo Khổng là căn bản luân lý của xã hội Việt-Nam nên ông đã bàn về *Trung* và *Hiếu* trong bài *Cung dịch thánh ý* (Nam Phong Août 1921).

“Theo ý riêng tôi thì xã-hội nước ta lấy đạo Đức Khổng-tử làm cơ-sở, mà đạo Đức Khổng-tử lấy lễ-nhạc làm tôn-chỉ gốc, vậy thì lễ-nhạc là tôn-chỉ gốc của xã-hội nước ta.

“Lễ-nhạc là hai tôn-chỉ chớ không phải hai chữ thường như chữ khác; nhưng mà người đời ít kẻ hiểu hai tôn-chỉ ấy, tưởng lễ là cúng-tế, nhạc là trống kèn; chẳng những người bây giờ ít kẻ hiểu hai tôn-chỉ ấy, chính người đồng-thời với Đức Khổng-tử cũng ít hiểu hai tôn-chỉ ấy, cho nên Đức Khổng-tử tức giận mà than rằng: *“Khi người ta nói rằng lễ, khi người ta nói rằng lễ, có phải nói ngọc với lụa vậy thay! Khi người ta nói rằng nhạc, khi người ta nói rằng nhạc, có phải nói chuông với trống vậy thay!”*

“Lễ là trật-tự (ordre), nhạc là điều-hòa (harmonie), ở trong vũ-trụ chỗ nào cũng có lễ-nhạc, nơi nào cũng có lễ-nhạc, nghĩa là chỗ nào cũng có trật-tự điều-hòa, nơi nào cũng có trật-tự điều-hòa, nếu không như vậy, thì sự sinh-tồn không thể có được.

“Hết xuân đến hạ, hết thu sang đông, là lễ-nhạc, tức là trật-tự điều-hòa ở trong trời đất; nhờ có thế mà muôn vật mới phát-sinh được. Nếu xuân hành hạ lệnh, thu hành đông lệnh, thì thiên-khí quai-hòa, mà muôn vật cũng vì đó mà đau mà chết.

“Vua làm nghĩa-vụ của vua, tôi làm nghĩa-vụ của tôi” là lễ-nhạc, tức là trật-tự điều-hòa ở trong nước; *“cha làm nghĩa-vụ của cha, con làm nghĩa-vụ của con”* là lễ-nhạc, tức là trật-tự điều-hòa ở trong nhà. Khi vua Cảnh-công nước Tề nghe Đức Khổng-tử nói mấy lời ấy bèn than rằng: *“Nếu vua không làm nghĩa-vụ của vua, tôi không làm nghĩa-vụ của tôi, cha không làm nghĩa-vụ của cha, con không làm nghĩa-vụ của con, tuy có lúa chúng ta há được ăn ru!”* Bởi vì vua không làm nghĩa-vụ của vua, tôi không làm nghĩa-vụ của tôi, thì trong nước không lễ-nhạc, hay là không trật-tự điều-hòa, nghĩa là nước loạn; cha không làm nghĩa-vụ của cha, con không làm nghĩa-vụ của con, thì trong nhà không lễ-nhạc, hay là không trật-tự điều-hòa, nghĩa là nhà loạn; nước loạn nhà loạn, thì tất phải tự-vong, cho nên nói rằng: *“Tuy có lúa, chúng ta há được ăn ru!”*

“Muốn giữ gìn lễ-nhạc, hay là trật-tự điều-hòa ở trong nước, thì phải tu lòng trung; muốn giữ-gìn lễ-nhạc hay là trật-tự điều-hòa ở trong nhà, thì phải tu lòng hiếu. Trung hiếu là hai cái linh-phù để giữ-gìn trật-tự điều-hòa trong nước trong nhà vậy.

“Trung ư quân”, không phải là làm cho vua vui lòng riêng, mà phải lo cho nước càng ngày càng thịnh-vượng; *“hiếu ư thân”*, không phải làm cho cha mẹ vui lòng một lúc, mà phải lo cho việc nhà càng ngày càng quang-xương; nhưng mà xưa nay nhiều người hiểu sai cái nghĩa ấy, có kẻ muốn vui lòng vua, tìm cách phùng-ngheñh, có kẻ sợ phiền lòng vua, không dám can-ngăn, để cho việc nước phải đòi-bại; có kẻ chỉ biết ở gần cha mẹ, sớm khuya phụng-duỡng là trọn phận làm con; những người hiểu hai chữ trung hiếu như vậy là hiểu một cách hẹp-hòi; hiện bây giờ cũng có người tưởng rằng đến cửa vua mà cúi đầu vòng tay là tận-trung, ky giỗ cha mẹ mà có mâm cao cỗ đầy là tận-hiếu. Trung hiếu như vậy thì dễ làm lắm, trẻ con làm cũng được! Phải hiểu rằng vua vui lòng chi bằng thấy việc nước càng ngày càng thịnh-vượng; cha mẹ vui lòng chi bằng thấy việc nhà càng ngày càng quang-xương. Ai muốn tu lòng trung thì phải tìm cách mà làm cho nước thịnh-vượng, và phải gây-dựng nhân-tài để ngày sau giúp nước cho sự thịnh-vượng càng

ngày càng thêm; ai muốn tu lòng hiếu thì phải lo việc nhà cho quang-xương, và phải nuôi dạy con cháu để ngày sau việc nhà cứ quang-xương mãi. Trung hiếu là một lá cờ để dẫn nước nhà lên đường tấn-bộ, nhưng mà sự đi tới ấy phải có lễ-nhạc, nghĩa là phải có trật-tự điều-hòa, cũng như một toán binh đi tới có thứ-tự và theo nhịp kèn”.

Trung và *Hiếu* là hai ý niệm phát xuất từ Nho-học, có ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống xã hội và gia đình Việt-Nam. Biết bao nhiêu sinh hoạt của cá nhân đã chịu sự chi phối của hai ý niệm ấy.

Trong quá khứ, chữ *Trung* đã từng bị lạm dụng để phụng sự cá nhân người làm vua thay vì phụng sự đất nước, chữ *Hiếu* đã được truyền dạy sai lạc, giam hãm cá nhân người làm con vào trong những hình thức luân lý cố chấp, nhiều khi không hợp lý, thay vì giúp cá nhân người làm con đạt đến đức *Nhân*.

Trong bài *Cung dịch thánh ý*, thượng-thư Thân Trọng Huề đã chỉ cho chúng ta thấy nên quan niệm về *Trung* và *Hiếu* như thế nào.

Nhà hoạt động chính trị **Nguyễn An Ninh** (1899 – 1943) đã từng tích cực cổ động phong trào Đông-Du và Đông-Kinh Nghĩa-thục. Khi còn nhỏ, ông được cha và cô dạy quốc-ngữ và chữ Pháp. Năm 1918, ông được thân phụ cho đi Pháp học.

Trong một lần diễn thuyết ở Khuyển-học-hội, Sài-gòn, ngày 15 tháng Mười năm 1923, ông đã đề cập đến quan niệm *Trung Thứ* trong Nho-học như sau:

“Cái ý của ông Khổng, nếu hiểu nó cho tận, thì con người ra cao rộng. Vì đạo của ông Khổng là buộc mình; mà ông Khổng khởi đầu buộc kẻ muốn hiểu đạo của ông Khổng, kẻ muốn tới cái đạo của ông Khổng, kẻ muốn hành cái đạo của ông Khổng, trước hết phải “tìm cho ra nguồn gốc muôn việc làm của con người”, phải hiểu. Như vậy sự công bình của ông Khổng là ở nơi hiểu mà ra, chớ chẳng phải là do theo từ câu, từ chữ trong Tứ thư, Ngũ kinh mà cư xử người như các quan tòa do theo y luật mà xử vậy. Hiểu trước rồi sẽ xử người. Xét cho tận rồi sẽ xử người. Thì tự nhiên rõ thấy rằng chỉ còn cái rộng, cái dung thứ thôi. Như vậy thì con người buộc người ít hơn buộc mình, chỉ còn biết buộc mình mà thôi. Vì vậy mới ra cái “*Trung, Thứ*” là cái gốc của kẻ muốn làm người theo như ông Khổng dạy: *Trung*, để buộc mình, *Thứ*, để đối với người.” (trích từ bài *Cao Vọng Thanh Niên*, 1923)

Năm 1930, học giả **Phạm Quỳnh** (1892 – 1945), chủ bút *Nam-Phong Tạp-chí*, nhận thấy rằng chữ nho đương thời không mấy ai học, chỉ còn là thứ tử văn, nhưng theo ông, Nho-học đã từng gây dựng nên tinh thần nước Việt trong cả ngàn năm, không lẽ là cái học sai lầm? Nếu cái học ấy sai, có hại cho xã hội thì nên bỏ đi, nếu cái học ấy đúng mà bị hiểu sai thì phải cải chính mà phát huy ra.

Nhà văn Phạm Quỳnh nói rằng trước hết cần tìm hiểu nguyên do nào đã đưa đến những sự hiểu lầm tai hại về Nho-học để đến nỗi người đời nay buộc cho Nho-học và các nhà nho cái tội làm mất nước.

Phạm Quỳnh đã phân tích tình thế Nho-học và vai trò của nhà nho ở nước Việt ngày xưa như sau:

“Cái tên “nhà nho” không những là để chỉ người biết chữ, học đạo thánh-hiền trong Nho-giáo, lại là chỉ một giai-cấp trong xã-hội, tức là hạng thượng-lưu trí-thức trong nước. Vì xưa kia ngoài nho-học không có cái học nào khác nữa, nên phàm người đi học là học đạo Nho hết cả. Đạo Nho có cái địa-vị độc-tôn, nên hầu thành như một tôn-giáo; mà thực ra cũng chính là cái quốc-giáo của nước Nam từ xưa đến giờ.

“Những người phụng-sự cái quốc-giáo đó, tức là nhà nho. Vậy thời nhà nho là kẻ có học hành, biết chữ nghĩa; nhà nho là bậc thức-giả xã-hội trong nước; nhà nho là tín-đồ của cái tôn-giáo họ Khổng. Về đường xã-hội, về đường chính-trị, về đường trí-thức tinh-thần đều có một cái địa-vị đặc-biệt, đối với một cái chức-vụ đặc-biệt.

“Chức-vụ này cao-quí, có thể gọi là một thiên-chức được, vì là chức-vụ hướng-đạo cho quốc-dân, làm tiêu-biểu cho cả nước. Như trong một bài trước đã nói, xã-hội nước ta chỉ có hai giai-cấp lớn: một hạng bình-dân, là dân què làm ruộng, một hạng học-thức, tức là nhà nho. Hạng bình-dân coi hạng học-thức là thầy dạy bảo, là người đưa đường, sẵn lòng phục-tòng, không có đố-ky. Hạng học-thức cũng tự nhận cái chức-trách đó, không lạm-dụng, không kiêu-căng, vì coi mình như kẻ giáo-sĩ của đạo Khổng Mạnh, thiên-hạ thờ là thờ đạo, kính là kính đạo, mà nhờ cái dư-oai của tôn-giáo mới khiến cho mình có một địa-vị tôn-trọng vậy. Muốn cho xứng-đáng với địa-vị đó, thời như ông linh-mục tuyên-truyền đạo-giáo, phải đem cái đạo của thánh-hiền, cái học của tiên-nho mà truyền dạy trong dân-gian, đem thân tiêu-biểu cho danh-giáo, hộ-vệ cho đạo-đức. Mà thật thế; nhà nho chân-chính thực là chức linh-mục của đạo Khổng Mạnh. Đạo này là một đạo thông-thường, một đạo nhập-thế, không có gì là siêu-nhiên thần-bí, cho nên những người tuyên-truyền phụng-sự cũng không cần phải phát-nguyện tu-hành gì. (...)

“Danh-giáo là danh-phận giáo-hóa, là cái giường-mối lớn của xã-hội nước Nam, là cái mục-đích thiết-tha cho sự-nghiệp thân-thế của nhà nho vậy.

“Người nào trong xã-hội cũng có danh-phận của người ấy: làm cha, làm con, làm chồng, làm bạn, làm tôi, làm vua; sửa mình, tề nhà, trị nước, bình thiên-hạ, phận có thấp cao, danh có lớn nhỏ, mà ai ai cũng phải ăn ở làm sao cho xứng danh tròn phận; di-luân là phép cả, dầu từ trời đất vạn-vật cũng không thể lọt ra ngoài phép-tắc thiên-nhiên. Những phép-tắc ấy, đối với cuộc nhân-sinh, ứng trong vòng nhân-sự, đã do các bậc thánh-hiền đời xưa nghiên-tinh đàm-tứ, ngâm-nghĩ sâu-xa mới phát minh ra, đời đời truyền lại để làm cái gương xử-thế cho người đời. Tiếp lấy những lời giáo-huấn đó, ứng-dụng vào cho mình, rồi truyền-bá ra cho người, ấy cũng là phận sự của người muốn sống làm người một cách có ý-thức. (...)

“Đã hay rằng cái công đề-tạo duy-trì cho quốc-gia là công chung của cả các tiên-dân ta, nhưng nhà nho là cái phần có ý-thức trong quốc-dân, công ấy cũng được một phần to vậy.

“Hoặc-giả nói: Công gây dựng cho nước là công của những bậc anh-hùng hào-kiệt làm nên những sự-nghiệp vĩ-đại vẻ-vang, sử sách còn truyền, đời sau ca-tụng; há

phải là công của một lũ thầy đồ dài lưng tốn vải, chỉ biết cả đời gặm chữ nhá vắn, ôn lại những câu sáo cũ của tiên-nhân?

“Vẫn biết thế, và cái lòng sùng-thượng anh-hùng bao giờ cũng phải có. Nhưng người anh-hùng không phải là cái món thường ở đời, chính là cái quà quý của trời. Cổ-nhân đã nói muốn gây lên một bậc anh-hùng phải núi sông lao碌 trong bao lâu mới chung đúc được cái khí thiêng. Người anh-hùng chỉ xuất-hiện những buổi nguy-cơ, và cái công đấng-định chỉ là cái công oanh-liệt trong nhất-thời. Cái công duy-trì mới là cái công cần-cù ở hằng ngày vậy.

“Công duy-trì ấy phần nhiều là công của thầy đồ nho vậy.

“Nói đến nhà nho, không thể không nói đến thầy đồ.

“Thầy đồ là cái hình-ảnh thông-thường bình-dị của nhà nho. Vì nhà nho cũng có nhiều hạng. Đại-khái có hạng nhà nho đã hiển-đạt, nghĩa là thi đỗ làm quan, công-nhiên ra trị dân giúp nước; có hạng nhà nho không thành-công, già đời lạo-đảo nơi trường-ốc, vãn-niên mới xoay ra dạy học, làm thuốc, xem đất; có nhà nho xuất-chính, có nhà nho ẩn-độn. Thân-thế tuy có khác mà tâm-lý thời cũng một. Cho nên ngay trong hạng hiển-đạt, có người làm đến quan to mà khi tuổi già về hưu cũng mở trường dạy học, như một thầy đồ thường vậy. Tuy-nhiên thầy đồ phần nhiều là thuộc về hạng nhà nho không thành-công, không hiển-đạt, số này là số nhiều lắm. Phái nhà nho ví như một đoàn quân-đội, thời quan lớn quan nhỏ, ông cống ông nghè, là hàng tướng-tá, bậc sĩ-quan, còn những thầy đồ vô-danh là hạng quân-lính cả. Trong quân-đội, tướng-sĩ vẫn là cần, mà quân-lính lại là phần quan-hệ lắm nữa. Nhà nho hiển-đạt dường như không phải là nhà nho thuần-túy nữa; nhà nho thuần-túy là nhà nho trội-tron, không có phẩm-tước danh-vị gì cả. Nhà nho trội tron thì còn ai bằng thầy đồ quê nữa? (...)

“Thầy đồ là thầy cai thầy đội tinh-thần của đội quân quốc-dân. Đội-quân này mà được nghiêm-trang tề-chỉnh, có thống-hệ, có kỷ-luật, biết giữ nền-nếp trong gia-đình, biết theo lễ-phép của xã-hội, biết trung-quân, biết ái-quốc, biết đốc lòng tín-ngưỡng ở đạo Thánh-hiền, là nhờ ở cái công vô-danh của bọn cai-đội vô-danh đó vậy.

“Nay lại ví xã-hội như một cái trường học lớn: mà xã-hội nước Nam quả là một trường học lớn thật; nước ta tuy không có lệ cưỡng-bách giáo-dục, nhưng có thể nói là hầu hết quốc-dân ai cũng có chí đi học cả, chí đó hoặc vì cảnh-ngộ mà không thể đạt được, nhưng dù người bản-tiện cũng có lòng ham-mê yêu-mến sự học. Cả nước là một cái trường học lớn, trường tự-nhiên, trường thiên-thành, không cần phải Nhà-nước can-thiệp, chẳng có hạn năm, hạn tuổi, hạn ngày, hạn giờ gì cả, cũng chẳng cần phải định chương-trình học-khóa gì hết. Thầy giáo dạy cái trường quốc-dân đó tức là thầy đồ, không phải là người của Nhà-nước, không thuộc vào ngạch nào cả, không có lương-bổng, không bị kiểm-độc, rất là tự-do, rất là thông-thả, mà “*chấn thiên-uy u roi mây*”, oai-quyền lắm-liệt, không những lũ trẻ phải khiếp-sợ mà người lớn cũng nể-vì. Suốt trong quốc-dân, ai ai cũng là ở trong tay thầy đồ mà ra cả, thầy đồ dạy cho biết chữ, thầy đồ nặn cho nên người, thầy đồ vỡ lòng cho trước đã, rồi sau có tài mới bay-nhảy lên cao xa mà làm nên công kia nghiệp nọ, hay là bất-tài không có cái khiếu học-hành thì đi cày đi

cuốc, làm ruộng làm vườn, quây gồng quây gánh, đi bán đi buôn, cũng vạch được ba chữ ký, đọc được tên ông vải, biết trọng nhân-nghĩa, giữ lễ-phép, ấy cũng là nhờ thầy đồ phá ngu cho vậy.

“Lại ví xã-hội như một cái giáo-hội lớn, tôn-giáo là đạo Nho, giáo-chủ là ông Khổng, mà giáo-sĩ tức là thầy đồ. Thầy đồ tuyên-truyền cái tôn-giáo họ Khổng, đem kinh-thánh truyện-hiền mà truyền dạy cho quốc-dân, thân bố-y mà nhờ oai-quyền một cái đạo luân-lý cổ của Á-đông rất hợp với nhân-sinh, với quần-chúng, tựa-hồ như có một cái vẻ hào-quang thần-bí vậy.

“Ôi! thầy đồ như vậy chẳng là vẻ-vang lắm dư? Mà một xã-hội có hạng thầy đồ đó, chẳng là cái bảo-chương để giữ-gìn cho được yên-ôn, phòng-ngữ cho khỏi họa-loạn dư? Chẳng là cái bảo-chương vững-vàng bền-chặt dư?

“Cho nên nói rằng duy-trì cho xã-hội, tiêu-biểu cho danh-giáo, hộ-vệ cho phong-hóa, ấy là cái công của nhà nho, và trong bọn nhà nho là cái công của thầy đồ phần nhiều vậy.

“Nay thầy đồ tuy là cái kiêu nhà nho thông-thường trong dân-gian, nhưng nhà nho không phải là thầy đồ hết cả.

“Nếu nhà nho là thầy đồ hết cả thì có lẽ chữa hoàn-toàn xứng-đáng là hạng “*thực-giả xã-hội*” trong nước, là kẻ chủ-trương hướng-đạo cho quốc-dân, vì cái vận-mệnh tinh-thần của một nước không thể ở cả một bọn giáo-sư dạy học, hay một bọn mục-sư truyền-đạo được.

“Ngoài cái công duy-trì, còn có cái công xướng-suất nữa, ngoài cái công bảo-tồn còn có cái công hưng-khởi nữa. Công này cũng là công của nhà nho, nhưng là nhà nho khoát-đạt, nhà nho quán-thông, nhà nho bác-nhã, nhà nho cao-thượng, nhà nho đã qua bậc “*Tiểu-Thừa*” tới bậc “*Đại-Thừa*” vậy.

“Nhà đại-triết-học nước Pháp đời nay là ông Henri Bergson, mới xuất-bản một bộ sách là kết-quả cái sự-nghiệp tư-tưởng của ông trong bốn mươi năm nay, sách đề là “*Hai cái nguồn của luân-lý và tôn-giáo*” (*Les deux sources de la morale et de la religion*). Ông cho luân-lý có hai thứ: một cái “*luân-lý kín*” (*morale close*), một cái “*luân-lý hở*” (*morale ouverte*); tôn-giáo cũng vậy: một cái “*tôn-giáo tĩnh*” (*religion statique*), một cái “*tôn-giáo động*” (*religion dynamique*). Cái “*luân-lý kín*” và cái “*tôn-giáo tĩnh*” là để duy-trì cho xã-hội có nền-nếp được vững-bền; gọi là “*kín*”, là vì nó chỉ khu-khu ở trong phép-tắc di-truyền của đời trước, không dám vượt ra ngoài qui-cử; gọi là “*tĩnh*”, là vì nó thủ-thành yên-tĩnh, không có phần-khởi hoạt-động. Tôn-giáo ấy, luân-lý ấy không phải là không có công; có công lắm, vì nếu không có luân-lý ấy, tôn-giáo ấy làm bảo-chương thì đoàn-thể đến lìa-tan, xã-hội đến giải-tán. Nhưng nếu xã-hội toàn thuộc luân-lý ấy, tôn-giáo ấy chủ-trương chi-phối, thì tất ngưng-trệ lại, không tiến-hóa lên được, thành ra “*hóa-thạch*” mà không có sinh hoạt nữa. Cho nên ngoài cái luân-lý kín là cái luân-lý của phần đông, ngoài cái tôn-giáo tĩnh là cái tôn-giáo của số nhiều, cần phải có một cái “*luân-lý hở*”, một cái “*tôn-giáo động*” để khiến cho người ta phần-khởi mà tiến lên: gọi là “*hở*” là vì nó không bí-tắc mà lại khai-thông, thời-thường du-dương trong cõi tiêu-dao tự-tại;

gọi là “*động*” là vì nó hoạt-bát siêu-việt, muốn dùng-dược mà trực-tiếp với cõi thần-bí cao xa. Luân-lý này, tôn-giáo này chỉ là riêng cho một số ít người lỗi-lạc mà thôi, thật là những kẻ hướng-đạo tinh-thần cho cả nhân-quần xã-hội.

“Nay đạo Nho là vừa gồm cả luân-lý, cả tôn-giáo; trong luân-lý vừa gồm cả cái luân-lý kín cùng cái luân-lý ngỗ, trong tôn-giáo vừa gồm cả cái tôn-giáo tĩnh cùng cái tôn-giáo động. Phụng-sự tuyên-truyền cái luân-lý kín, cái tôn-giáo tĩnh, là phận-sự nhà nho “*tiểu-thừa*”, tức là thầy đồ ta vậy. Phụng-sự tuyên-truyền cái luân-lý ngỗ, cái tôn-giáo động, là phận-sự nhà nho “*đại-thừa*”, là những bậc bác-học năng-văn, triết-nhân quân-tử, biết vượt ra ngoài những câu tử-văn trong sách cổ mà đạt cho tới cái chí-đạo của Thánh-hiền.

“Vậy thời thầy đồ chỉ là một nhà nho “*tiểu-thừa*” mà thôi. Cái đạo nho “*hạ-thừa*” đó, cũng như cái luân-lý “*kín*”, cái tôn-giáo “*tĩnh*” của Bergson, là cần-thiết cho quần-chúng, cho nên thầy đồ tuyên-truyền cái đạo ấy là có công với xã-hội. Nhưng nếu cái tâm-lý thầy đồ, cái tinh-thần hạ-thừa mà bành-trướng ra quá, lấn-lấp khắp cả, thời không khỏi làm hẹp mắt nghĩa đạo đi, biến một cái đạo-giáo rất hay thành một mớ phiền-văn trần-hủ, không khỏi ngăn-trở cho sự tiến-hóa chung.”

(“Nhà Nho”, *Nam Phong Mai* 1932)

Nhờ sự phân tích rành rẽ, Phạm Quỳnh tìm ra được lý do đã khiến cho Nho-giáo suy đồi: Cái luân lý “*kín*” đã tràn ngập giới nhà nho đương thời và chính cái tâm lý *huong-nguyệ*n của những nhà nho “*tiểu-thừa*”, “cái tâm lý lễ-nhượng, cẩn-thủ”, quá trọng phần hình thức phép tắc bề ngoài khiến giới Nho-học thành ra nhu nhược, hẹp hòi, cố chấp, và điều này đã gây thiệt hại cho đất nước.

Ông đã chỉ trích những kẻ *huong-nguyệ*n như sau:

“*Huong-nguyệ*n là kẻ giả đạo-đức, ngoài mặt làm ra cái thái-độ cung-kính cẩn-nghiêm, mà kỳ-thực sẵn lòng hòa-đồng với lưu-tục, a-dua với kẻ *huong-nhân* bỉ-tiện. *Huong-nguyệ*n chính là thầy đồ quê biển-hiệp, không có nghị-lực, không có khí-khái gì, học đạo thánh-hiền mà hình như học đến đâu chỉ làm cho đạo hẹp đến đó, uốn nghĩa-lý của thánh-hiền cho vừa bằng cái tầm nhân-cách nhỏ-nhen của mình.” (“Nhà Nho”)

Ông tin tưởng rằng “đạo nho còn dùng được ở đời này, không phải là cái đạo *tiểu-thừa* của phái *huong-nguyệ*n, chính là cái đạo *đại-thừa* của nhà chân-nho vậy.”

Do đó, ông đã biện hộ cho đạo Nho chân chính và tìm cho Nho-học một chỗ đứng trong xã hội ngày nay như sau:

“Như cái thuyết “*nhân, nghĩa, lễ, trí*”, thì thật là giường-mối của đạo-đức luân-lý muôn đời. Dem những vi-ngôn của đạo-nghĩa của cổ-thánh-hiền mà phát-huy cái tinh-lý nó bao-hàm ở trong mấy cái quan-niệm thâm-trầm màu-nhiệm đó, rồi xét xem cái cách nên ứng-dụng ra đời này thế nào, đó chẳng phải là một việc mà nhà nho nên nhiệt-thành đảm-nhiệm dư?

“Lại như cái thuyết “*tu, tề, trị, bình*”, há chẳng phải là tiêu-biểu cho một cái lý-tưởng làm người rất thâm-trầm và rất thiết-thực dư? Thuyết này vừa kiêm được cả cái

chủ-nghĩa cá-nhân, chủ-nghĩa gia-tộc, chủ-nghĩa quốc-gia, chủ-nghĩa xã-hội, chủ-nghĩa thế-giới, không cái nào mâu-thuẫn với cái nào, hết thấy đều như hiệp-tác với nhau theo một cái trật-tự rất là hợp với lẽ thiên-nhiên vậy.

“Người ta trước hết phải tu-thân, nghĩa là trau-giồi cho nhân-cách mình được hoàn-toàn; ấy là chủ-nghĩa cá-nhân đó. Rồi phải tề-gia, nghĩa là cai-quản trong gia-đình cho có trật-tự, theo cái chế-độ gia-trưởng của Đông-phương; đó là chủ-nghĩa gia-tộc, mà đã hàm có tính-cách chủ-nghĩa xã-hội một đôi chút, vì gia-tộc là một cái tiểu-xã-hội, cũng như hương-đảng là một cái tiểu-triều-đình vậy. Rồi phải trị-quốc, nghĩa là ra tham-dự việc nước, lo cái vận-mệnh chung cho quốc-gia, cho xã-hội; đó là chủ-nghĩa quốc-gia, chủ-nghĩa xã-hội chân-chính. Rồi đến sau cũng phải bình thiên-hạ, nghĩa là mưu sự hòa-bình hạnh-phúc cho cả loài người; đó là chủ-nghĩa thế-giới, hay là chủ-nghĩa quốc-tế, hay là chủ-nghĩa nhân-đạo, hay là chủ-nghĩa bác-ái, danh-từ có khác, nhưng cái tôn-chỉ cũng là một, là muốn cho cả thiên-hạ được yên-ổn sung-sướng, biết thương-yêu giúp-đỡ lẫn nhau, chứ đừng tương-tàn tương-hại nhau nữa.

“Ấy cái đạo Nho đại-thừa nó rộng-rãi sâu-xa như vậy. Ai dám bảo rằng đạo ấy không hợp với thời-đại này? Đạo ấy là đạo thiên-cổ, loài người ta còn sinh-trưởng trên mặt đất này thì đời nào nước nào cũng là thích-hợp.”

Học giả Phạm Quỳnh cũng có một bài ngắn viết về quan niệm *tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ* của Nho-học như sau:

“Khổng-giáo dạy ta những gì? Đạo Khổng không phải một đạo cao-siêu huyền-bí chi: đạo Khổng dạy ta phải làm người cho xứng-đáng, trước không hổ-thẹn với lương-tâm, sau có bổ-ích cho xã-hội; bắt đầu sửa mình, rồi tề nhà, trị nước, rồi đến giúp công cho sự tiến-hóa chung trong thiên-hạ. Hoặ-giả nói: bấy nhiêu điều có riêng gì cho đạo Khổng, đạo nào không dạy người như thế. Vẫn biết thế, nhưng đạo Khổng dạy người ta một cách thiết-tha ân-cần, dường như ngoài cái đạo làm người đó, không còn có gì thiết-đáng hơn nữa. Đạo Khổng chỉ châu-tuần trong vòng nhân-sự, nhưng muốn cho nhất-thiết việc đời đều chỉnh-lý nghiêm-trang cả, trong tự lòng người, ngoài đến xã-hội, đều có trật-tự chỉnh-đốn. Cái lý-tưởng tuyệt-đích của đạo Khổng không phải là cái lý-tưởng siêu-hình thần-bí gì, chính là cái lý-tưởng người “quân-tử”, nghĩa là một kẻ biết sống làm người một cách hoàn-toàn, không oán trời, không trách người, không hăm-hở những chuyện xa-xôi, không thiết-tha những điều nhỏ-mọn, cứ ung-dung khoan-thai mà giữ lấy hòa-bình điều-độ, thời-thường tiêu-dao trong cõi trí nên nhân, nhưng lâm-sự cũng biết hi-sinh cho đạo trung đạo hiếu. Vì đạo Khổng trọng nhất là phương-diện luân-lý, và trong phương-diện luân-lý trọng nhất là cái chế-độ gia-tộc, cho nên lấy chữ hiếu làm đầu các đức, và đặt ra thờ cha mẹ tổ tiên để củng-cố cái đoàn-thể gia-tộc, coi hầu như một nền tôn-giáo, nhưng là một tôn-giáo rất sáng-sủa hợp-lẽ, không có gì là huyền-hoặc ám-muội.” (*Nam Phong* Décembre 1925)

Gần với thời đại của chúng ta hơn, có bác sĩ **Nguyễn Văn Thọ** (1921 – 2014). Ông tốt nghiệp Đại-học Y-khoa Hà-Nội năm 1952, phục vụ ngành Quân-y Quân-lực Việt-Nam Cộng-hòa từ năm 1952 đến năm 1965, đã từng là Giáo-sư Đại-học Văn-khoa và Đại-học Minh-Đức về môn triết Đông. Sau năm 1975, ông sang định cư ở Hoa-Kỳ.

Trong lời *Phi Lộ* của quyển sách biên khảo *Chân-dung Khổng-tử* (1969), ông đã nói như sau:

“Chúng ta chẳng phải là những kẻ cổ hủ, nhất thiết bám víu vào những đường xưa, lối cũ. Chúng ta cũng chẳng phải là những kẻ ngu muội có thiên-kiến, đến nỗi chẳng nhận-định ra được những cái hay của nền văn-minh khoa-học, vật-chất hiện-thời. Chúng ta không phải là những kẻ “không tưởng” sống trên mây xanh, mà chúng ta sẽ hết sức thực-tế. Chúng ta sẽ hết sức vô-tư trong công-trình khảo sát của chúng ta, sẽ hết sức thực-tế, hết sức khoa-học.”

Phân khảo sát trong quyển *Chân-dung Khổng-tử* có 20 chương trong đó có những chương với tựa đề như sau:

- Đức Khổng, con người nhiệt thành đi tìm chân-lý
- Đức Khổng, con người rất cũ và rất mới
- Đức Khổng, con người biết thuận theo các định-luật của trời đất (Lễ)
- Đức Khổng, con người linh-động và uyển-chuyển (Dịch)
- Đức Khổng, một thi sĩ (Kinh Thi)
- Đức Khổng, con người nghệ-sĩ (Nhạc)
- Đức Khổng, một vị giáo sư gương mẫu
- Đức Khổng, một sử-gia (Kinh Thư và Xuân Thu)
- Đức Khổng, một chính-trị-gia (Luận ngữ, Đại Học)
- Tổng-luận: Đức Khổng ích lợi gì cho chúng ta?

Năm 1996, bác-sĩ và bà Nguyễn Văn Thọ (khuê danh Lê Thị Yến) hoàn tất bộ *Dịch Kinh Đại Toàn*, gồm ba tập, với rất nhiều công phu mà hai vị tác giả tin rằng “rất có ích cho thế hệ mai sau.”

Nhà văn **Nguyễn Hiến-Lê** (1912 – 1984) đã viết rất nhiều sách, từ sách triết học, văn học, lịch sử đến tùy bút, khảo luận.

Năm 1972, ông cho xuất bản quyển *Nhà giáo họ Khổng* với mục đích tìm hiểu “nhà giáo mà đời sau tôn là “vạn thế sư biểu”. Ông đã trích từ *Luận ngữ* để có tài liệu biên soạn quyển *Nhà giáo họ Khổng*, tương tự như học giả Hồ Thích chỉ dùng *Luận ngữ* làm tài liệu xác đáng nhất để tìm hiểu về tư tưởng Khổng-tử.

Theo học giả Hồ Thích* (1891 – 1962), nhiều sách do Khổng-tử san định đã bị đời sau thêm thắt vào.

“Còn bộ *Luận ngữ* tuy không phải do Khổng-tử viết ra, thì lại rất đáng tin cậy, rất có ích. Sách này do đệ-tử của các đệ-tử Khổng môn ghi lại những lời đàm-thoại và nghị-luận của Khổng-tử và các đệ-tử của Ngài. Phạm muốn nghiên-cứu học-thuyết Khổng-tử, chúng ta cần có sách này và tham-khảo thêm *Dịch truyện* và *Xuân-thu*. Ngoài ra không

còn sách nào đáng tin nữa cả.” (*Trung-quốc triết-học-sử đại-cương*, bản dịch của Huỳnh Minh Đức, Saigon, 1969)

[* Hồ Thích, quê ở An-Huy (Trung-Hoa). Năm 1910 ông sang Hoa-Kỳ định học về canh nông tại Đại-học Cornell, nhưng ông đổi ý, học về văn chương và triết học. Sau khi có cử nhân tại Cornell, ông ghi danh học triết tại Đại-học Columbia.]

Các chương trong quyển *Nhà giáo họ Khổng* có tựa đề như sau:

- I. Khổng-tử là một nhà giáo trước hết
- II. Cách mạng giáo dục
- III. Tính tình và tư cách Khổng-tử
- IV. Cách Khổng-tử dạy học
- V. Tình thầy trò
- VI. Vạn thế sư biểu

Năm 1978, nhà văn Nguyễn Hiến-Lê thực hiện xong tác phẩm *Khổng Tử*. Ngay trang đầu tiên, ông viết như sau:

“Triết thuyết nào cũng chỉ để cứu cái tệ của một thời thôi. Muốn đánh giá một triết thuyết thì phải đặt nó vào thời của nó, xem nó giải quyết được những vấn đề của thời đó không, có là một tiến bộ so với các thời trước, một nguồn cảm hứng cho các đời sau không. Và nếu sau mười thế hệ, người ta thấy nó vẫn còn làm cho đức trí con người được nâng cao thì phải coi nó là một công hiến lớn cho nhân loại rồi.”

Sách vở bàn về Khổng-tử và Nho-học hãy còn nhiều. Thiên nghĩ cách hay nhất để tìm hiểu Nho-học là tự mình đọc các sách căn bản của Nho-học là *Tứ-thư* và *Ngũ-kinh* và tự mình thâm định triết thuyết Nho-học, không qua một sự phê bình nào cả.

Ngô Thị Quý Linh

viết tháng 6 năm 2015, hiệu đính tháng 8 năm 2017

www.ylinhpublishing.weebly.com

Sách đã xuất bản:

- *Sử Xanh Lưu Truyền*, 1991
- *Lược sử Triết lý Giáo dục Việt Nam*, 1997
- *Lịch sử Việt Nam thuộc Pháp 1858-1945*, 2002
- *Việt Nam và Công Cuộc Duy Tân*, 2019
- *Phật giáo Việt Nam*, 2020